

NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN GIAI ĐOẠN 2008-2020

• PGS.TS. NGUYỄN LỘC

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Đặt vấn đề

Sau một thời gian xem xét, ngày 30 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã kí phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” tại Quyết định số: 1400/QĐ-TTg. Có thể coi đây là một cột mốc có ý nghĩa bước ngoặt trong đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam, đáp ứng lòng mong mỏi của các nhà giáo, nhà nghiên cứu, cũng như nhu cầu ngày càng tăng của xã hội nói chung và thế hệ trẻ của đất nước nói riêng.

Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”, sau đây được gọi tắt là Đề án, là kết quả của sự đóng góp về công sức và trí tuệ của đông đảo đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giáo viên, nhà quản lí từ nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau của Việt Nam và quốc tế¹. Đề án có quy mô bao trùm các cấp học từ phổ thông đến dạy nghề, giáo dục chuyên nghiệp và đại học, tính đến sự tác động đến 63 tỉnh/thành phố của cả nước và có thời hạn kéo dài 13 năm, từ 2008 đến 2020. Các tài liệu về Đề án này bao gồm:

1. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”, gồm 11 trang².

2. Toàn văn Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”, gồm 48 trang³.

Những nội dung chính của đề án

Mục tiêu

Đề án có mục tiêu chung và 4 mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu chung

Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên; đến năm 2020 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu cụ thể

a) Triển khai thực hiện chương trình giáo dục 10 năm, bắt đầu từ lớp 3 môn ngoại ngữ bắt buộc ở các cấp học phổ thông. Từ năm 2010 - 2011 triển khai dạy ngoại ngữ theo chương trình mới cho khoảng 20% số lượng học sinh lớp 3 và mở rộng dần quy mô để đạt khoảng 70% vào năm học 2015 - 2016; 100% vào năm 2018 - 2019;

b) Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 10% số lượng học sinh dạy nghề (DN), trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) vào năm học 2010 - 2011, 60% vào năm 2015 - 2016 và đạt 100% vào năm học 2019 - 2020;

c) Triển khai chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ đối với giáo dục đại học (cả các cơ sở đào tạo chuyên ngữ và không chuyên ngữ) cho khoảng 10% số lượng sinh viên

¹ Việc xây dựng Đề án được tiến hành bởi tập thể các chuyên gia của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (trước đây được gọi là Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục), Đại học Quốc gia Hà Nội (cụ thể là Trường Đại học Ngoại ngữ), Trường Đại học Hà Nội (trước đây được gọi là Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội), Tổng cục Dạy nghề. Để xây dựng Đề án các chuyên gia đã triển khai một cuộc khảo sát quy mô toàn quốc vào cuối năm 2004. Hàng chục hội thảo về vấn đề ngoại ngữ được tổ chức. Đề án đã nhận được sự đóng góp ý kiến của tất cả các Vụ, Cục chức năng và bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ ngành liên quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động và Thương binh xã hội, Bộ Văn hóa và Thông tin (trước đây)... Các tổ chức, cơ quan quốc tế như Hội đồng Anh Việt Nam, Trường Đại học Cambridge (Anh quốc), AUF (Pháp), Viện Goeth (Cộng hòa liên bang Đức) cũng đã có nhiều đóng góp quan trọng.

² Có thể tham khảo toàn văn tài liệu tại: www.moet.gov.vn.

³ Có thể tham khảo toàn văn tài liệu tại: www.niesac.edu.vn.



cao đẳng (CĐ), đại học (ĐH) vào năm học 2010 - 2011; 60% vào năm học 2015 - 2016 và 100% vào năm 2019 - 2020;

d) Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong chương trình giáo dục thường xuyên với nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo, góp phần tích cực vào công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, viên chức; thực hiện đa dạng hoá các hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu người học.

Phần đầu có 5% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên vào năm 2015 và đạt 30% vào năm 2020.

Loại ngoại ngữ

Đề án quy định: "... môn ngoại ngữ được dạy và học trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân là tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác".

Vai trò của tiếng Anh được nhấn mạnh ở đây thể hiện xu thế chung của thế giới nói chung, cũng như của Việt Nam nói riêng⁴ về nhu cầu đối với ngoại ngữ này. Theo số liệu thống kê, nếu so với nền kinh tế của các thứ tiếng khác nhau thì các nước nói tiếng Anh có tỉ trọng kinh tế lớn nhất thế giới – 28%, số lượng những người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai đã vượt hẳn số lượng người nói thứ tiếng này như ngôn ngữ thứ nhất và đã lên tới ít nhất là hơn nửa tỉ người (Olster, 2005). Tỉ lệ sinh viên quốc tế đến du học tại các nước nói tiếng Anh lên tới 53%. Tiếng Anh là ngôn ngữ chính của sách, báo, hàng không, thương mại quốc tế, hội nghị, khoa học, công nghệ, ngoại giao, thể thao, âm nhạc, quảng cáo, internet, v.v... Hơn hai phần ba các nhà khoa học trên thế giới đọc sách tiếng Anh. Ba phần tư thư từ được viết bằng tiếng Anh. Điều được thừa nhận chung hiện nay là tiếng Anh đã đạt tới vị thế của "lingua franca"⁵.

Khái niệm về "một số ngôn ngữ khác" trong Đề án là rất mở, nó phản ánh nhu cầu khá đa dạng về ngoại ngữ cần được dạy và học ở Việt Nam. Các ngoại ngữ này, ít nhất cho đến nay bao gồm tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga và tiếng Nhật Bản, trong đó 3 ngoại ngữ đầu là những ngoại ngữ đã được dạy và học trong hàng chục năm qua. Sau một thời gian thí điểm, việc dạy và học tiếng Nhật Bản đã chính thức được triển khai trong hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2007-2008. Cũng với khái niệm "một số ngôn ngữ khác", trong tương lai, tùy theo điều kiện cụ thể, ta có thể có thêm một số ngoại ngữ mới khác hoặc loại bỏ một số ngoại ngữ đang được dạy và học hiện nay.

Trình độ thông thạo ngoại ngữ cần đạt Khung trình độ năng lực ngoại ngữ

Đề án đề xuất sử dụng Khung trình độ năng lực ngoại ngữ (KNLNN) thống nhất, chi tiết, gồm 6 bậc, tương thích với các bậc trình độ ngoại ngữ quốc tế thông dụng để làm căn cứ biên soạn chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy và xây dựng tiêu chí đánh giá ở từng cấp học, trình độ đào tạo, bảo đảm sự liên thông trong đào tạo ngoại ngữ giữa các cấp học. Khung trình độ năng lực này được đề xuất dựa trên Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR⁶. Khung tham chiếu chung này có thể dùng làm cơ sở để đo đạc năng lực ngôn ngữ, xây dựng chương trình ngôn ngữ, so sánh các ngôn ngữ khác nhau, thiết kế, đánh giá, tạo cấu trúc cho tiến bộ ngôn ngữ liên tục. Khung tham chiếu hiện được áp dụng đối với hơn 30 ngôn ngữ trên thế giới như: Catalan, Dansk, Deutsch, English, Español, Euscara, Français, E, Italiano, Letzebuergesch, Netherlands, Norsk, Portugues, Suomi, Svenska. Tương tự như CEFR, Khung trình độ năng lực ngoại ngữ của Việt Nam gồm 6 bậc trình độ như sau:

⁴ Báo cáo của Chính phủ tại kì họp thứ 6 Quốc hội khoá XI (12/2004) nhấn mạnh: "Triển khai chiến lược dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, tập trung chủ yếu vào tiếng Anh, khuyến khích dạy và học ngoại ngữ thứ hai".

⁵ Khái niệm "lingua franca" có gốc từ tiếng Italia và có nghĩa ban đầu là sự xáo trộn giữa ngôn ngữ Italia với các ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hy Lạp và tiếng Ả rập và được dùng ở các hải cảng ở Địa Trung Hải. Về sau thuật ngữ này được dùng với nghĩa rộng hơn để chỉ bất kì ngôn ngữ nào được sử dụng để những người nói các ngôn ngữ khác nhau có thể hiểu nhau. Trong lịch sử cũng đã có nhiều ngôn ngữ được sử dụng như "lingua franca", chẳng hạn như tiếng Pháp trong giới ngoại giao của thế kỉ 18 hay là ngôn ngữ Swahili hiện đang được sử dụng khắp vùng Đông Phi. Xem thêm: Nguyễn Lộc (2005), Bàn về chiến lược dạy và học ngoại ngữ, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, số 114 /2005, trang 10-14, Hà Nội.

⁶ Chữ viết tắt của: Common European Framework of Reference.

Hình 1: Khung trình độ năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

Trình độ: Sử dụng thành thạo	6 - Rất thành thạo (Mastery) 5 - Thành thạo (Effective Operational Proficiency)
Trình độ: Sử dụng độc lập	4 - Vượt ngưỡng (Vantage) 3 - Đạt ngưỡng (Threshold)
Trình độ: Sử dụng ban đầu	2 - Cận ngưỡng (Waystage) 1 - Vỡ lòng (Breakthrough)

Trình độ thông thạo ngoại ngữ

Trong Đề án, trình độ thông thạo của học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học (tốt nghiệp lớp 12) của Việt Nam được xác định ở trình độ 3 - Đạt ngưỡng (Threshold)⁷. Mô tả chung về trình độ năng lực ở cấp độ này theo CEFR là như sau: Người nói đạt trình độ này có thể giao tiếp trong nhiều tình huống thường gặp hàng ngày với các cấu trúc ngôn ngữ có thể đoán trước được. Với loại tài liệu mà người nói ở trình độ vỡ lòng chỉ nắm được ý cơ bản nhất thì người nói ở trình độ này đã có thể nhận biết được nhiều thông tin hơn. Ngoài những số liệu và sự kiện căn bản, họ có thể nhận biết được cả quan điểm, thái độ, tình cảm và mong muốn được gửi gắm trong tài liệu đó. Theo trình độ này, các mức trình độ thông thạo ngoại ngữ ở các cấp học ở Việt Nam được xác định như sau:

- Tốt nghiệp tiểu học (TH) (hết lớp 5): Đạt bậc 1 - Vỡ lòng (Breakthrough)
- Tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) (hết lớp 9): Đạt bậc 2 - Cận ngưỡng (Waystage)
- Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (hết lớp 12): Đạt bậc 3 – Đạt ngưỡng (Threshold)
- Tốt nghiệp trường DN: Đạt bậc 2 - Cận ngưỡng (Waystage)
- Tốt nghiệp trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN): Đạt bậc 3 – Đạt ngưỡng (Threshold)
- Tốt nghiệp trường CĐ, ĐH không chuyên ngữ: Đạt bậc 3 – Đạt ngưỡng (Threshold)
- Tốt nghiệp trường CĐ chuyên ngữ: Đạt bậc 4,5 – Trên vượt ngưỡng
- Tốt nghiệp trường ĐH chuyên ngữ: Đạt bậc 5 – Thành thạo (effective operational proficiency).

Thời lượng dạy và học ngoại ngữ

Thời lượng dành cho việc dạy và học ngoại ngữ được coi là nhân tố có tầm quan trọng hàng đầu trong Đề án nhằm nâng cao trình độ thông thạo ngoại ngữ của thế hệ trẻ Việt Nam. Đối với từng cấp học, thời lượng dạy và học ngoại ngữ được xác định như sau:

- Đối với cấp học phổ thông sẽ thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo Chương trình 10 năm, bắt đầu từ lớp 3 cho đến hết lớp 12. Ngoại ngữ được chọn để dạy với thời lượng 1.155 tiết được gọi là Ngoại ngữ 1 (NN1). Thời lượng này được phân bổ cho các cấp như sau:

* Tiểu học (lớp 3, 4, 5): 4 tiết /tuần. Tổng số tiết của 3 năm học là 420 tiết.

* THCS (lớp 6, 7, 8, 9): 3 tiết /tuần. Tổng số tiết của toàn cấp THCS là 420 tiết.

* THPT (lớp 10, 11, 12): 3 tiết /tuần. Tổng số tiết của toàn cấp THPT là 315 tiết.

- Ngoài NN1, học sinh được tự chọn học thêm một Ngoại ngữ 2 (NN2). Việc dạy và học NN2 được tiến hành từ lớp 6 cho đến lớp 12, với tổng thời lượng là 735 tiết. Cụ thể là :

* THCS (lớp 6, 7, 8, 9): 3 tiết/tuần. Tổng số tiết của toàn cấp THCS là 420 tiết.

* THPT (lớp 10, 11, 12): 3 tiết/tuần. Tổng số tiết của toàn cấp THPT là 315 tiết.

* Sau khi học xong NN2 học sinh sẽ có năng lực ngoại gần tương đương với Bậc 2 của KNLNN.

- Đối với các trường DN: Các trường cần tiến hành dạy và học ngoại ngữ theo nhiều chương trình với thời lượng khác nhau nhằm đáp ứng trình độ đầu vào khác nhau. Các trường cần tiến hành kiểm tra trắc nghiệm về năng lực ngoại ngữ của học sinh nhập học để sắp xếp theo học các chương trình ngoại ngữ phù hợp. Tùy theo điều kiện cụ thể của mình, các trường nghề có thể xây dựng và tiến hành chương trình dạy và học ngoại ngữ đối với các học sinh nhập học có trình độ đầu vào là Bậc 2 để đạt được bậc cao hơn nữa về năng lực ngoại ngữ.

⁷ Ở phần lớn các nước Tây Âu, trình độ năng lực ngoại ngữ của học sinh tốt nghiệp phổ thông có thể đạt tới bậc 4 – vượt ngưỡng (vantage), còn ở một số nước ở Đông Nam Á như Malaysia, Singapore, Philippines, Brunei (những nước tiếng Anh được coi như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngôn ngữ quốc gia) trình độ này đạt tới bậc năm - Thành thạo (effective operational proficiency).



- Đối với các trường TCCN, CĐ, ĐH không chuyên ngữ: Các trường cần tiến hành dạy và học ngoại ngữ theo nhiều chương trình với thời lượng khác nhau nhằm đáp ứng trình độ đầu vào khác nhau. Các trường cần tiến hành kiểm tra trắc nghiệm về năng lực ngoại ngữ của học sinh nhập học để sắp xếp theo học các chương trình ngoại ngữ phù hợp. Tuỳ theo điều kiện cụ thể của mình, các trường có thể xây dựng và tiến hành chương trình dạy và học ngoại ngữ đối với các học sinh nhập học có trình độ đầu vào là Bậc 3 để đạt được bậc cao hơn nữa về năng lực ngoại ngữ.

- Đối với các trường CĐ, ĐH chuyên ngữ: Các trường có thể áp dụng chương trình dành cho đầu vào là học sinh đã học ngoại ngữ theo hệ 7 năm hoặc đã học ngoại ngữ theo Chương trình 10 năm. Thời lượng đối với cao đẳng chuyên ngữ là 40 – 70 đơn vị học trình, đối với đại học chuyên ngữ là 60 – 90 đơn vị học trình. Ngoại ngữ được dạy theo thời lượng này được gọi là Ngoại ngữ 1 ở bậc cao đẳng/đại học. Ngoại ngữ được dạy ở các trường này có thể là các ngoại ngữ được dạy trong các trường phổ thông, hoặc có thể là bất kì một ngoại ngữ nào khác mà nhà trường cho là phù hợp với nhu cầu đào tạo của mình. Ngoài ngoại ngữ 1, các trường chuyên cần tổ chức dạy và học Ngoại ngữ 2 ở bậc cao đẳng/đại học cho sinh viên. Thời lượng dành cho dạy và học ngoại ngữ 2 không vượt quá một nửa lượng thời gian dành cho Ngoại ngữ 1.

Lộ trình triển khai

Đề án có thời gian kéo dài từ năm 2008 đến năm 2020, trong đó hai năm đầu dành cho việc biên soạn chương trình, sách giáo khoa, thí điểm và các điều kiện cần thiết khác. Từ năm 2010, Đề án được triển khai chính thức với lộ trình cụ thể như sau:

- Đối với cấp tiểu học: Triển khai Đề án đối với 20% học sinh lớp 3 vào năm học 2010-2011, sau đó tăng bình quân mỗi năm là 10%, sao cho đến năm học 2018-2019 sẽ có 100% học sinh lớp 3 học theo nội dung đổi mới của Đề án.

- Đối với cấp THCS: Triển khai Đề án đối với 20% học sinh lớp 6 vào năm học 2013-2014, sau đó tăng bình quân mỗi năm là 10%, sao cho đến năm học 2020-2021 sẽ có 100% học sinh lớp 6 học theo nội dung đổi mới của Đề án.

- Đối với cấp THPT: Triển khai Đề án đối với 20% học sinh lớp 10 vào năm học 2017-2018, sau đó tăng bình quân mỗi năm là 10%, sao cho đến năm học 2020-2021 sẽ có 50% học sinh lớp 10 học theo nội dung đổi mới của Đề án. Đến năm 2020-2021 dự kiến có 30% số học sinh tốt nghiệp lớp 12 hoàn thành nội dung đổi mới của Đề án và đạt trình độ bậc 3.

- Đối với các trường DN, TCCN, CĐ và ĐH: Triển khai Đề án đối với 10% HS/SV vào năm học năm học 2010-2011, sau đó tăng bình quân mỗi năm là 10%, sao cho đến năm học 2019-2020 sẽ có 100% HS/hoàn thành nội dung đổi mới của Đề án (xem Hình 3).

Các giải pháp

1. Thành lập Ban Chỉ đạo ở Trung ương để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án này gồm đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan liên quan, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo làm Trưởng ban.

2. Tổ chức rà soát, quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, tuyển dụng đội ngũ giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục và cả nước, bảo đảm đáp ứng nhu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo.

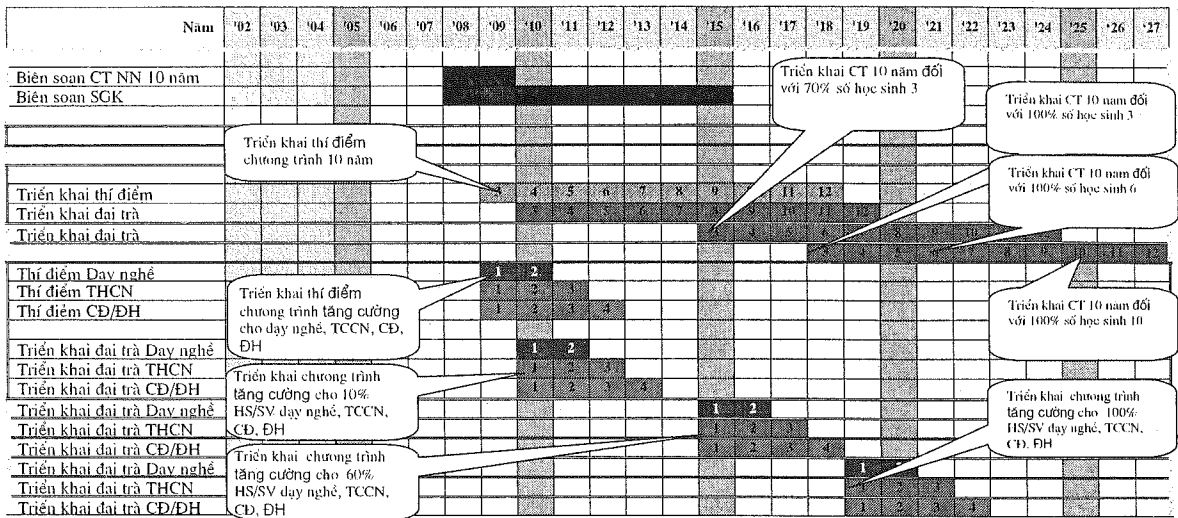
Hình 2: Phân bố thời lượng dạy và học ngoại ngữ theo loại hình trường

Loại trường	Trình độ cần đạt	Thời lượng
Trường đại học chuyên ngữ	5	1.200 ⁸
Trường cao đẳng chuyên ngữ	4,5	900 ⁹
Trường đại học không chuyên ngữ	3	315-1.155
Trường cao đẳng không chuyên ngữ	3	315-1.155
Trường trung cấp chuyên nghiệp	3	315-1.155
Trường nghề	2	420-820
Trường THPT (Lớp 10,11,12)	3	315
Trường THCS Schools (Lớp 6,7,8,9)	2	420
Trường tiểu học (Lớp 3, 4, 5)	1	420

⁸ Thời lượng này dành cho sinh viên đã học xong chương trình ngoại ngữ 7 năm ở phổ thông. Nếu không, thời lượng có thể phải tăng thêm hơn 700 tiết nữa.

⁹ Thời lượng này dành cho sinh viên đã học xong chương trình ngoại ngữ 7 năm ở phổ thông. Nếu không, thời lượng có thể phải tăng thêm hơn 700 tiết nữa.

Hình 3: Lộ trình và các giai đoạn thực hiện Đề án



3. Nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách, chế độ cần thiết, phù hợp, đáp ứng yêu cầu của công tác giảng dạy, học tập ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ việc dạy và học ngoại ngữ.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

6. Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ việc dạy và học ngoại ngữ, tạo động cơ học tập ngoại ngữ của thế hệ trẻ Việt Nam.

Tổ chức thực hiện

Đề án được triển khai thực hiện theo ba giai đoạn như sau:

a) *Giai đoạn 2008 - 2010*: Trọng tâm của giai đoạn này là hoàn thành các điều kiện đảm bảo cho việc xây dựng, thí điểm các chương trình ngoại ngữ mới và chuẩn bị để triển khai đại trà ở các cấp học phổ thông.

b) *Giai đoạn 2011 - 2015*: Trọng tâm của giai đoạn này là triển khai đại trà chương trình ngoại ngữ 10 năm ở phổ thông và chương trình dạy và học ngoại ngữ tăng cường đối với các bậc, trình độ đào tạo.

c) *Giai đoạn 2016 - 2020*: Trọng tâm của giai đoạn này là triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm trên quy mô cả nước và triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ tăng cường đối với tất cả các trường DN, TCCN, CĐ và ĐH.

Kết luận

Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020” có các mục tiêu khá thách thức và do đó chứa đựng nhiều nội dung. Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ nhấn mạnh đến một số nội dung chính của Đề án và cung cấp thêm một số thông tin liên quan để làm sáng tỏ những nội dung quan trọng này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ Việt Nam (2008), *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*. Quyết định số: 1400/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2008, www.moet.gov.vn.
2. Chính phủ Việt Nam (2008), *Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*. www.niesac.edu.vn.
3. Nguyễn Lộc (2005), *Bàn về chiến lược dạy và học ngoại ngữ*, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, Số 114 /2005, trang 10-14, Hà Nội.
4. *The Common European Framework of Reference for Languages*, <http://www.uk.cambridge.org/elt>

SUMMARY

The author describes the main points of the Master Plan on Foreign languages Teaching and Learning in the National Education System 2008-2020 and its roadmap.